

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ CÔNG THƯƠNG

Số: 585/SCT-TM

V/v báo cáo nhanh giá một số mặt
hàng thiết yếu chiều ngày 12/02/2018.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Căn cứ công văn số 1958/BCT-TTTN ngày 08/3/2011 của Bộ Công Thương về việc báo cáo hàng ngày về các mặt hàng thiết yếu;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 07/11/2017 của Bộ Công Thương về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm cân đối cung cầu bình ổn thị trường cuối năm 2017 và dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018;

Sở Công Thương Đồng Nai báo cáo nhanh giá cả chiều ngày 12/02/2018 của một số mặt hàng thiết yếu trên địa bàn như sau:

I. Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm:

STT	Mặt hàng	ĐVT	Chợ Biên Hòa		Chợ Long Khánh		Chợ Long Thành		Chợ Phước Lâm	
			Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02	Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02	Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02	Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Gạo nếp (loại 1)	1.000 đ/kg	30	0	18	0	19	0	18	0
2	Gạo tẻ (loại thường)	1.000 đ/kg	12	0	12	0	12	0	12	0
3	Gạo tẻ thơm	1.000 đ/kg	15	0	18	0	18	0	18	0
4	Thịt heo nạc	1.000 đ/kg	80	0	60	0	60	0	55	-5
5	Thịt heo đùi	1.000 đ/kg	70	0	60	0	60	0	50	-5
6	Thịt heo ba rọi	1.000 đ/kg	75	0	60	0	60	0	50	-5
7	Thịt bò philê	1.000 đ/kg	280	0	245	0	280	0	260	0
8	Thịt bò bắp	1.000 đ/kg	260	0	200	0	250	0	220	0
9	Thịt gà công nghiệp (lông trắng)	1.000 đ/kg	50	0	55	0	50	0	55	0
10	Thịt gà tam hoàng (lông màu)	1.000 đ/kg	70	0	75	0	55	0	70	0
11	Đường trắng RE (Biên Hòa)	1.000 đ/kg	21	0	20	0	20	0	19	0
12	Cá lóc (loại 0,5kg/con)	1.000 đ/kg	70	0	55	0	60	0	55	0
13	Cá diêu hồng	1.000 đ/kg	65	0	55	0	55	0	47	0
14	Giò lụa	1.000 đ/kg	100	0	70	0	130	0	80	0
15	Lạp xưởng Vissan (loại 1)	1.000 đ/kg	160	0	220	0	200	0	-	-
16	Dầu ăn Tường An	1.000 đ/lít	33	0	31	0	35	0	33	0
17	Bột ngọt Ajinomoto (450g)	1.000 đ/kg	28	0	28	0	28	0	28	0
18	Mực (loại phổ biến)	1.000 đ/kg	130	0	165	0	150	0	230	0
19	Tôm (loại phổ biến)	1.000 đ/kg	180	0	150	0	220	0	200	0

20	Bắp cải	1.000 đ/kg	15	0	10	0	12	0	6	0
21	Khoai tây	1.000 đ/kg	30	0	18	0	20	0	12	0
22	Cà rốt	1.000 đ/kg	25	0	18	0	20	0	12	0
23	Bí xanh	1.000 đ/kg	20	0	20	0	17	0	15	0
24	Đậu xanh (đã chà vỏ)	1.000 đ/kg	35	0	32	0	35	0	30	0
25	Trứng gà công nghiệp (loại 1)	1.000 đ/10trứng	25	0	20	0	20	0	24	0
26	Trứng vịt (loại 1)	1.000 đ/10trứng	30	0	27	0	28	0	28	0
27	Sữa ông Thọ	1.000 đ/hộp	21	0	20	0	21	0	21	0
28	Hạt dưa lớn	1.000 đ/kg	130	0	120	0	120	0	120	0
29	Mứt bí	1.000 đ/kg	70	0	50	0	60	0	60	0
30	Mứt dừa	1.000 đ/kg	150	0	70	0	120	0	100	0
31	Mứt hạt sen	1.000 đ/kg	120	0	100	0	120	0	100	0
32	Dưa hấu dài (trên, dưới 4kg/quả)	1.000 đ/kg	15	0	15	0	12	0	8	0
33	Dưa hấu tròn (trên, dưới 7kg/quả)	1.000 đ/kg	20	0	-	-	-	-	-	-
34	Bia 333	1.000 đ/thùng	230	0	225	0	230	0	230	0
35	Bia Tiger	1.000 đ/thùng	332	0	305	0	315	0	320	0
36	Bia Heineken	1.000 đ/thùng	375	0	376	0	375	0	400	0
37	Nước ngọt Cocacola	1.000 đ/thùng	175	0	175	0	185	0	190	0
38	Bưởi đường	1.000 đ/chục 1.000 đ/kg*	900	0	-	-	2.000	0	50	0
39	Bưởi Năm roi	1.000 đ/chục	-	-	-	-	1.500	0	-	-
40	Hoa Huệ Đà Lạt	1.000 đ/chục	80	0	50	0	120	0	30	0
41	Hoa Cúc	1.000 đ/chục	50	0	45	0	60	0	43	0

II. Giá một số mặt hàng khác

STT	Mặt hàng			ĐVT	Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02
1	Xăng dầu Petrolimex	Xăng không chì RON A95		đ/lít	20.380	0
		Xăng sinh học E5			18.670	0
		Dầu DO 0,05S			15.950	0
2	Gas Sài Gòn Petro (12kg/bình)			đ/bình	330.000	0
3	Muối iot (Tập đoàn muối Ninh Thuận)			ngàn đ/kg	6	0
4	Heo hơi (> 80kg/con)	Giá heo hơi (giá heo chuẩn) (Công ty CP)		ngàn đ/kg	31,5	0
5	Thóc (lúa)			ngàn đ/kg	9	0
6	Phân bón	UREA Phú Mỹ	TP Biên Hòa	ngàn đ/bao 50kg	440	0
			TX Long Khánh		390	0
		NPK Việt Nhật	TX Long Khánh		495	0
7	Xi măng, thép (Cửa hàng tại Thị xã Long Khánh)	Hà Tiên I - 50 kg		ngàn đ/bao 50kg	83	-
		Sao Mai			83	0
		Thép (phi 6 Vicasa)		ngàn đ/kg	15	-
8	Thuốc bảo vệ thực vật (Thị xã Long Khánh)	Thuốc trừ sâu (loại phổ biến) Sherpa		ngàn đ/lọ	30	0
		Thuốc trừ cỏ (loại phổ biến) Gramoxone		ngàn đ/lọ 1 Lít	80	-
9	Thuốc thú y	Vaccin kép		ngàn đ/lọ	35	0

		Vaxxin rời		19	0
10	Thức ăn chăn nuôi (Cám loại 25kg /bao) của Công ty thức ăn gia súc Thanh Bình huyện Long Thành	Cám dành cho heo từ tập ăn đến 15kg.	ngàn đ/bao 25kg	385	0
		Cám dành cho heo từ 15 – 30 kg		220	0
		Cám dành cho heo từ 60 kg đến xuất chuồng		210	0

III. Giá thu mua một số mặt hàng nông sản

STT	Mặt hàng	Địa bàn	ĐVT	Chiều ngày 12/02	Tăng, giảm so với sáng ngày 12/02
1	Tiêu	Long Khánh	ngàn đ/kg	64	0
2	Cà phê	Long Khánh	ngàn đ/kg	37	0
3	Bắp	Long Khánh	ngàn đ/kg	8	0

Đánh giá chung:

Tình hình giá cả tại các chợ Long Thành, Biên Hòa và Long Khánh buổi chiều ngày 12/2/2018 tương ổn định, không có biến động so với buổi sáng.

Chợ Phương Lâm có biến động nhẹ đối với một số mặt hàng như: Thịt heo nạc giảm 5.000 đồng (từ 60.000 xuống 55.000 đồng/kg), thịt heo đùi giảm 5.000 đồng (từ 55.000 xuống 50.000 đồng/kg), thịt heo ba rọi giảm 5.000 đồng (từ 55.000 xuống 50.000 đồng/kg). Nguyên nhân, do sức mua buổi chiều giảm hơn so với buổi sáng.

Trên đây là báo cáo nhanh giá cả một số mặt hàng chiều ngày 12/02/2018 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Sở Công Thương Đồng Nai kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND tỉnh;
 - Đài truyền hình Đồng Nai;
 - Báo Đồng Nai;
 - Sở Tài Chính;
 - Sở Thông tin và Truyền thông;
 - Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai;
 - Lãnh đạo Sở Công Thương;
 - Lưu: VT, TM.
- <BaoGia/chiều12/02/2018>

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Ngọc Diệu